**NỘI DUNG ÔN TẬP TUẦN 27**

**SINH HỌC 6:**

**Bài 43: Khái niệm sơ lược về phân loại thực vật**

**A. Lý thuyết (GHI NỘI DUNG LÝ THUYẾT VÀO VỞ BÀI HỌC)**

**1. Phân loại thực vật là gì?**

Phân loại thực vật là việc tìm hiểu sự giống và khác nhau giữa các dạng thực vật để phân chia chúng thành các bậc phân loại.

**2. Các bậc phân loại**

- Các bậc phân loại từ cao đến thấp là: Ngành - Lớp - Bộ - Họ - Chi – Loài.

**3. Các ngành thực vật**

****

**B. BÀI TẬP (TRẢ LỜI CÂU HỎI TRONG VỞ BÀI SOẠN)**

**Câu 1:** Hãy chọn một trong hai từ sau đây: giống nhau, khác nhau để điền vào chỗ trống cho thích hợp.

 Giữa tảo và cây hạt kín có nhiều điểm rất *…*.

- Nhưng giữa các loại Tảo với nhau, hoặc giữa các cây Hạt kín với nhau lại có sự *…* về tổ chức cơ thể và sinh sản.

**Câu 2:** Hãy tiếp tục phân chia ngành Hạt kín thành hai lớp ( Hai lá mầm và Một lá mầm theo cách trên.

**Câu 3:** Kể những ngành thực vật đã học và nêu đặc điếm chính của mỗi ngành đó.

**Bài 44: LUYỆN TẬP**

**B. BÀI TẬP (TRẢ LỜI CÂU HỎI TRONG VỞ BÀI SOẠN)**

**Câu 1:** Thực vật ở nước (Tảo) xuất hiện trong điều kiện nào ? Vì sao chúng có thể sống được trong môi trường đó?

**Câu 2:** Thực vật ở cạn xuất hiện trong điều kiện nào ? Cơ thể của chúng có gì khác so với thực vật ở nước?

**Câu 3:** Thực vật Hạt kín xuất hiện trong điều kiện nào ? Đặc điểm gì giúp chúng thích nghi được với điều kiện đó?

**SINH HỌC 7:**

**Bài 47: Cấu tạo trong của thỏ**

**A. Lý thuyết**

**I. BỘ XƯƠNG VÀ BỘ CƠ**

**1. Bộ xương**

- Bộ xương thỏ gồm nhiều xương khớp với nhau tạo thành một bộ khung và các khoang. Bộ xương định hình, nâng đỡ, bảo vệ và giúp cơ thể vận động.

**2. Hệ cơ**

- Cơ thể vận động được là nhờ các cơ bám vào xương, các cơ này co dãn giúp con vật di chuyển dễ dàng.

**II. CÁC CƠ QUAN DINH DƯỠNG**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Hệ cơ quan** | **Thành phần** | **Chức năng** |
| **Tuần hoàn** | Tim có 4 ngăn, mạch máu | Máu vận chuyển theo 2 vòng tuần hoàn. Máu nuôi cơ thể là máu đỏ tươi |
| **Hô hấp** | Khí quản, phế quản, phổi | Dẫn khí và trao đổi khí |
| **Tiêu hóa** | - Miệng, thực quản, dạ dày, ruột, manh tràng- Tuyến gan, tụy Tiêu hóa thức ăn | Tiêu hóa thức ăn |
| **Bài tiết** | Hai thận, ống dẫn nước tiểu, bóng đái, đường tiểu | Lọc từ máu chất thừa và thải nước tiểu ra ngoài cơ thể |

**III. THẦN KINH VÀ GIÁC QUAN**

Ở thỏ, bán cầu não và tiểu não rất phát triển liên quan tới các cử động và phản xạ phức tạp.

**BÀI TẬP (TRẢ LỜI CÂU HỎI TRONG VỞ BÀI SOẠN)**

**Câu 1:** Nêu những đặc điểm cấu tạo của các hệ tuần hoàn, hô hấp, thần kinh của thỏ (một đại diện của lớp Thú) thể hiện sự hoàn thiện so với các lớp động vật có xương sống đã học.

**Câu 2:** Hãy nêu rõ tác dụng của cơ hoành qua mô hình thí nghiệm hình 47.5 SGK.

**Bài 48: Đa dạng của lớp Thú. Bộ Thú huyệt, bộ Thú túi**

**A. Lý thuyết (GHI NỘI DUNG LÝ THUYẾT VÀO VỞ BÀI HỌC)**

**I. BỘ THÚ HUYỆT**

Đại diện là thú mỏ vịt sống ở châu Đại Dương, có mỏ giống mỏ vịt, sống vừa ở nước ngọt, vừa ở cạn, đẻ trứng. Thú cái có tuyến sữa nhưng chưa có vú.

**II. BỘ THÚ TÚI**

Đại diện là kanguru sống ở đồng cỏ châu Đại Dương cao tới 2m, có chi sau lớn khỏe, vú có tuyến sữa, con sơ sinh chỉ lớn bằng hạt đậu, dài khoảng 3cm không thể tự bú mẹ, sống trong túi da ở bụng thú mẹ. Vú tự tiết sữa và tự động chảy vào miệng thú con.

**III. BỘ DƠI**

Đặc điểm:

- Chi trước biến đổi thành cánh da. Cánh da là một màng da rộng phủ lông mao thưa, mềm mại nối liền cánh tay, ống tay, các xương bàn và các xương ngón (rất dài) với mình, chi sau và đuôi. Đuôi ngắn.

- Đại diện: dơi ăn sâu bọ (dơi ăn sâu bọ), dơi quả (dơi ăn quả)

**IV. BỘ CÁ VOI**

Đặc điểm

- Cơ thể hình thoi, lông gần như tiêu biến hoàn toàn, có lớp mỡ dưới da rất dày, cổ không phân biệt với thân, vây đuôi nằm ngang, bơi bằng cách uốn mình theo chiều dọc.

- Chi trước biến đổi thành vây bơi dạng bơi chèo, song vẫn được nâng đỡ bởi các xương chi như ở động vật có xương sống ở cạn, có xương cánh tay và xương ống tay ngắn, các xương ngón tay lại rất dài, chi sau tiêu giảm.

- Cá voi sinh sản trong nước, nuôi con bằng sữa.

- Cá voi sống chủ yếu ở biển ôn đới và biển lạnh.

- Đại diện: Cá voi xanh, cá heo

**B. BÀI TẬP (TRẢ LỜI CÂU HỎI TRONG VỞ BÀI SOẠN)**

**Câu 1:** Phân biệt các nhóm thú bằng đặc điểm sinh sản và tập tính bú sữa của con sơ sinh.

**Câu 2:** Hãy so sánh đặc điểm cấu tạo và tập tính của thú mỏ vịt và kanguru thích nghi với đời sống của chúng.

**Câu 3:** Trình bày đặc điểm cấu tạo của dơi thích nghi với đời sống bay.

**Câu 4:** Trình bày đặc điểm cấu tạo của cá voi thích nghi với đời sống trong nước?

**SINH 8**

**Câu 1: A. Lý thuyết:**

**Bài:** **Cơ quan phân tích thính giác**

1. **Cơ quan phân tích thính giác** gồm: Tế bào thụ cảm thính giác, dây thần kinh thính giác,vùng thính giác ở thùy thái dương
* ***Cấu tạo của tai***:

- Tai ngoài: + Vành tai: hứng sóng âm.

 + Ống tai: Hướng sóng âm.

 + Màng nhĩ: Khuếch đại âm.

- Tai giữa: + Chuỗi xương tai: Truyền sóng âm.

 + Vòi nhĩ: Cân bằng áp suất 2 bên màng nhĩ.

- Tai trong: + Bộ phận tiền đình: Thu nhận thông tin về vị trí và sự chuyển động của cơ thể trong không gian.

 + Ốc tai: Thu nhận kích thích sóng âm.

1. **Chức năng thu nhận sóng âm:**

Sóng âm từ nguồn âm phát ra được vành tai hứng lấy, qua ống tai tới làm rung màng nhĩ, tới chuỗi xương tai, được khuếch đại ở màng cửa bầu, làm chuyển động ngoại dịch rồi nội dịch, làm rung màng cơ sở, tác động tới cơ quan Coocti kích thích tế bào thụ cảm thính giác. Vùng thính giác cho ta nhận biết về âm thanh.

1. Vệ sinh tai:
* Giữ gìn tai sạch
* Bảo vệ tai: Không dùng vật nhọn để ngoáy tai. Giữ vệ sinh mũi, họng để phòng bệnh cho tai. Có biện pháp chống, giảm tiếng ồn.

**Câu 2:**

**Bài: Phản xạ không điều kiện và phản xạ có điều kiện:**

**1. Phân biệt phản xạ có điều kiện và phản xạ không có điều kiện:**

- Phản xạ không điều kiện :Là phản xạ bẩm sinh, sinh ra đã có không cần phải học tập

Ví dụ: (cho 2vd)

- Phản xạ có điều kiện : Là phản xạ được hình thành trong đời sống cá thể là kết quả của quá trình học tập rèn luyện

 Ví dụ: (cho 2vd)

**2. Sự hình thành phản xạ có điều kiện**

**a. Hình thành phản xạ có điều kiện :**

- Điều kiện để thành lập phản xạ có điều kiện

+ Phải có sự kết hợp giữa kích thích có điều kiện với kích thích không điều kiện

+ Quá trình kết hợp đó phải được lặp đi lặp lại nhiều lần

-Thực chất của việc thành lập phản xạ có điều kiện là sự hình thành đường liên hệ thần kinh tạm thời nối các vùng vỏ đại não với nhau

**b. Ức chế phản xạ có điều kiện:**

- Khi phản xạ có điều kiện không được củng cố thì phản xạ sẽ mất dần

- Ý nghĩa

+ Đảm bảo sự thích nghi với môi trường và điều kiện sống luôn thay đổi

+ Hình thành các thói quen tập quán tốt đối với con người

3. **So sánh các tính chất của phản xạ không điều kiện với phản xạ có điều kiện.**

Nội dung bảng 52.2

- Mối liên quan :

+ Phản xạ không điều kiện là cơ sở để thành lập phản xạ có điều kiện

+ Phải có sự kết hợp giữa một kích thích có điều kiện với kích thích không điều kiện

 **B.** **Bài tập**:

1. Đánh dấu vào ô đúng:

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Ví dụ | PXKĐK | PXCĐK |
|  1. Nếu lỡ dụi tay vào mắt, mắt sẽ nhắm lại. 2. Phản xạ tập thể dục vào buổi sáng khi nghe tiếng nhạc tập thể dục. 3. Nếu 1 lần ăn me chua, về sau thấy hoặc nghe nói về me chua là tiết nước bọt. 4. Con mèo thấy con chó thì mèo chạy. 5. Con vịt ngủ thường co một chân. 6. Phản xạ rình mồi của con mèo để chuẩn bị vồ mồi khi ngửi thấy mùi chuột. 7. Thức ăn chạm lưỡi thì tiết nước bọt. 8. Thói quen đi học đúng giờ. |  |  |

1. Nghiên cứu đoạn thông tin ở câu 1, hãy hệ thống lại kiến thức bằng sơ đồ tư duy

……………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………..…………….……………………………………………………………………………………………...……………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………..…………….……………………………………………………………………………………………...……………………………………………………………………………………………..……………………………………………………………………………………………...………………………………………………………………………………..…………….……………………………………………………………………………………………...………………………………………

Hết

 (Các em ghi bài học vào tập, hoàn tất yêu cầu của bài tập. Học nội dung lý thuyết)

**SINH 9**

**A. Lý thuyết:**

1. **Quần xã sinh vật:**

**1.** **Khái niệm:** Quần xã sinh vật là tập hợp những quần thể sinh vật thuộc các loài khác nhau, cùng sống trong một không gian xác định và chúng có mối quan hệ mật thiết, gắn bó với nhau.

**2. Những dấu hiệu điển hình của một quần xã:**

- Quần xã có các đặc điểm cơ bản về số lượng và thành phần các loài sinh vật.

+ Số lượng các loài trong quần xã được đánh giá qua những chỉ số: độ đa dạng, độ nhiều, độ thường gặp.

+ Thành phần loài trong quần xã thể hiện qua việc xác định loài ưu thế và loài đặc trưng.

1. *Quan hệ giữa ngoại cảnh và quần xã*

- Các nhân tố vô sinh và hữu sinh luôn ảnh hưởng đến quần xã tạo nên sự thay đổi theo chu kì: chu kì ngày đêm, chu kì mùa.

- Khi ngoại cảnh thay đổi dẫn đến số lượng cá thể trong quần xã thay đổi và số lượng cá thể luôn được khống chế ở mức độ phù hợp với môi trường.

- Khống chế sinh học làm cho số lượng cá thể của mỗi quần thể dao động quanh vị trí cân bằng, phù hợp với khả năng cung cấp nguồn sống của môi trường tạo nên sự cân bằng sinh học trong quần xã.

 **II. HỆ SINH THÁI:**

 1. Khái niệm :

- Hệ sinh thái bao gồm quần xã và khu vực sống của quần xã (gọi là sinh cảnh).

- Trong hệ sinh thái, các sinh vật luôn tác động qua lại với nhau và tác động với nhân tố vô sinh của môi trường 1 hệ thống hoàn chỉnh và tương đối ổn định.

- Một hệ sinh thái hoàn chỉnh gồm các thành phần:

+ Nhân tố vô sinh

+ Nhân tố hữu sinh: SV sản xuất , SV tiêu thụ: bậc 1, bậc 2, bậc 3... SV phân huỷ.

2. *Chuỗi thức ăn và lưới thức ăn :*

- Chuỗi thức ăn: Chuỗi thức ăn là 1 dãy gồm nhiều loài sinh vật có quan hệ dinh dưỡng với nhau. Mỗi loài sinh vật trong chuỗi thức ăn vừa là sinh vật tiêu thụ mắt xích phía trước, vừa bị mắt xích phía sau tiêu thụ.

- Lưới thức ăn: Các chuỗi thức ăn có nhiều mắt xích chung tạo thành 1 lưới thức ăn. Lưới thức ăn hoàn chỉnh gồm 3 thành phần: SV sản xuất, Sv tiêu thụ, SV phân huỷ.

 **B. Bài tập :**

**1. Hoàn chỉnh các chuỗi thức ăn sau cho hợp lí:**

1. Lúa 🡪 A 🡪 rắn 🡪 Sinh vật phân giải

………………………………………………………………………………………

1. Cỏ 🡪 châu chấu 🡪 B 🡪 cầy 🡪 vi sinh vật

………………………………………………………………………………………

1. Thực vật 🡪 C 🡪 bọ ngựa 🡪 D 🡪 vi sinh vật

………………………………………………………………………………………

d. Rau 🡪 sâu 🡪 E 🡪 chuột 🡪 cú mèo 🡪 F 🡪 vi khuẩn

………………………………………………………………………………………

**2. Trong một quần xã có các sinh vật sau; cỏ , thỏ, dê, chim sẻ, sâu hại, cáo, hổ, chuột, vi sinh vật.**

1. *Hãy vẽ 3 chuỗi thức ăn có thể có từ các loài sinh vật trên?*

…………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………….

………………………………………………………………………………………

1. *Hãy vẽ lưới thức ăn có thể có với các sinh vật trong chuỗi thức ăn trên?*

………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

………………………………………………………………………………………

1. **Kẻ bảng so sánh quần xã sinh vật và hệ sinh thái :**

Hết

 (Các em ghi bài học vào tập, hoàn tất yêu cầu của bài tập. Học nội dung lý thuyết)